

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày 15-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ
2. Ông Lê Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Ngô - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trang Thanh P** (tên gọi khác: Nguyễn Văn D), sinh năm 1972, tại Bạc Liêu; nơi thường trú: Không có đăng ký nơi thường trú, chỗ ở hiện tại: Không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Trang Hồng V (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); không có vợ con;

Tiền án: Ngày 23/5/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa chấp hành đóng án phí hình sự phúc thẩm nên chưa được xóa án tích;

Tiền sự: không.

Nhân thân:

+ Ngày 16/12/1997 bị Tòa án nhân dân thị xã Bạc Liêu, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985, đã chấp hành xong, đã được xóa án tích.

+ Ngày 29/9/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985, đã chấp hành xong ngày 13/6/2003, đã được xóa án tích.

+ Ngày 11/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 16 tháng (theo Quyết định số 49/QĐ-TA), chấp hành xong ngày 11/10/2021.

Bị khởi tố bị can, bị bắt tạm giam ngày 08/01/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh C cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm 2002, tại Cà Mau; nơi thường trú: Không có đăng ký nơi thường trú, chỗ ở hiện tại: Không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Phạm Minh T1 (đã chết) và bà Trần Thị H, không có chồng, con 03 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án: Ngày 11/3/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu, xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đã chấp hành xong ngày 13/9/2024; chưa được xóa án tích;

Tiền sự: Ngày 05/6/2024 bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 2.500.000 đồng, chưa chấp hành đóng phạt.

Bị khởi tố bị can ngày 31/10/2024, bị bắt tạm giam ngày 01/11/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam và kho vật chứng khu vực Bạc Liêu cho đến nay (có mặt).

* Bị hại:

- Anh **Trần Nhựt H1**, sinh ngày 05/5/2005. Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt);

- Chị **Huỳnh Anh T2**, sinh năm 03/4/2005. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 21/9/2024 đến ngày 27/10/2024, tại địa bàn thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, Trần Thị Mỹ L và Trang Thanh P là bạn bè, sống lan thang không có nghề nghiệp ổn định. Do muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo L rủ bị cáo P nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ ngày 21/9/2024, bị cáo P đang ngủ ở dạ cầu K thì bị cáo L đến rủ đi lấy trộm xe mô tô, bị cáo P đồng ý. Cả hai đi bộ đến trước nhà cho thuê Toàn T3 tại hẻm A, Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm C, phường B, tỉnh Cà Mau) thì thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu SAVI, loại 50S, màu xanh đen, biển kiểm soát 94FC-2990 của anh Trần Nhựt H1, cổng rào không khoá và không có người trông coi. Bị cáo P đứng bên ngoài cảnh giới còn bị cáo L đi vào lấy trộm. Sau đó, bị cáo L đem xe mô tô lấy trộm bán được 500.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 97/KL-HĐĐGTS, ngày 11/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B xác định: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SAVI, loại 50S, màu đen - xanh, biển kiểm soát 94FC-2990 có giá là 5.450.000 đồng”.

Vụ thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 27/10/2024, bị cáo Liên tiếp T4 rủ bị cáo P đi đến nhà cho thuê V tại Khóm F, Phường C, thành phố B (nay là khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau) để tìm tài sản lấy trộm thì thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ - bạc - đen, biển kiểm soát 65T2-0134 của chị Huỳnh Anh T2 để trong sân không có người trông coi. Bị cáo L nói: “Anh đợi ở đây đi, em vào dắt chiếc xe đó ra”, rồi đi vào lấy trộm xe, còn bị cáo P đứng bên ngoài cảnh giới. Sau đó, cả hai đem xe mô tô trộm được gửi trong bãi giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh B và đi về ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 28/10/2024, bị cáo L lấy xe mô tô 65T2-0134 đem đến cơ sở thu mua phế liệu Xía, Khóm F, Phường A, thành phố B bán cho ông Huỳnh Văn T5 được 750.000 đồng, L chia cho P 90.000 đồng, còn lại tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 85/KL-HĐĐGTS, ngày 01/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B xác định: “01 chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ - bạc - đen, biển kiểm soát 65T2-0134 có giá là 6.600.000 đồng”.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 86/CT-VKSTPBL ngày 25/6/2025 và đề nghị xử lý như sau:

- Tuyên bố bị cáo Tranh Thanh P1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tranh Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.
- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Mỹ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ L mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.
- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo P và bị cáo L cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại anh Trần Nhật H1 số tiền 5.450.000 đồng và liên đới bồi thường cho bị hại chị Huỳnh Anh T2 số tiền 6.600.000 đồng.
- Về xử lý vật chứng: Đối với 02 đĩa DVD hiệu Maxell lưu trữ hình ảnh bị cáo L và P lấy trộm tài sản trích xuất từ camera tại hiện trường đã đưa vào hồ sơ vụ án là phù hợp.

Các bị cáo thống nhất với cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo P xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt sớm về lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình truy điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với bị hại anh Trần Nhật H1 và chị Huỳnh Anh T2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do có đơn xin vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại không cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị hại nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất và phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp lời khai các bị hại, các nhân chứng về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó đủ căn cứ chứng minh: Khoảng 03 giờ ngày 21/9/2024, tại nhà cho thuê Toàn T thuộc hẻm A, Khóm E, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm C, phường B, tỉnh Cà Mau) bị cáo L và bị cáo P có hành vi lợi dụng công rào không khoá và không có người trông coi, bị cáo L vào bên trong nhà cho thuê lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu SAVI, loại 50S, màu xanh đen, biển kiểm soát 94FC-2990 của anh Trần Nhật H1, bị cáo P đứng bên ngoài cảnh giới. Sau đó, bị cáo L đem xe mô tô lấy trộm bán được 500.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Theo Bản kết luận định giá tài sản, chiếc xe có giá là 5.450.000 đồng.

Khoảng 22 giờ ngày 27/10/2024, tại nhà cho thuê V thuộc Khóm F, Phường C, thành phố B (nay là Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau), lợi dụng không có người trông coi tài sản, bị cáo L đã vào nhà cho thuê và lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ -bạc-đen, biển kiểm soát 65T2-0134 của chị Huỳnh Anh T2, bị cáo P đứng bên ngoài cảnh giới. Sau đó, đem bán được 750.000 đồng, bị cáo L chia cho bị cáo P 90.000 đồng, còn lại tiêu xài hết. Theo Bản kết luận định giá tài sản, chiếc xe có giá là 6.600.000 đồng".

Xét thấy bị cáo Trần Thị Mỹ L và Trang Thanh P là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, chây lười lao động. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản bị cáo L và P đã có hành vi phạm tội lấy trộm tài sản để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 68/2008/HS-PT ngày 23/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” và đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản

1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999 nhưng chưa được xóa án tích. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau truy tố bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Thị Mỹ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Trần Thị Mỹ L và Trang Thanh P là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo các bị cáo trở thành một người công dân tốt và đồng thời cũng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không phân công vai trò, không có sự câu kết chặt chẽ, là đồng phạm giản đơn có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên lần phạm tội này của bị cáo P là tái phạm nguy hiểm nên xử phạt bị cáo P mức hình phạt nặng hơn so với bị cáo L.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo L và bị cáo P đều có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt về hành vi Trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L có 01 tiền án ngày 11/3/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 04 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Nhật H1 yêu cầu bị cáo L và bị cáo P bồi thường số tiền 5.450.000 đồng; Chị Huỳnh Anh T2 yêu cầu bị cáo L và bị cáo P bồi thường số tiền 6.600.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của anh H1 và chị T2. Khi thực hiện hành vi phạm tội dẫn đến gây thiệt hại cho anh H1 và chị T2 thì các bị cáo có vai trò và mức độ lỗi ngang nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo L và bị cáo P liên đới bồi thường cho anh H1 số tiền 5.450.000 đồng, buộc mỗi bị cáo bồi thường cho anh H1 50% số tiền chiếm đoạt, tương đương 2.725.000 đồng và bồi thường cho chị T2 số tiền 6.600.000 đồng, buộc mỗi bị cáo bồi thường cho chị T2 50% số tiền chiếm đoạt, tương đương 3.300.000 đồng.

[4] Về vật chứng: Đối với 02 đĩa DVD hiệu Maxell lưu trữ hình ảnh bị cáo L và P lấy trộm tài sản trích xuất từ camera tại hiện trường đã đưa vào hồ sơ vụ án là phù hợp.

[5] Đối với ông Huỳnh Văn T5, ngoài lần mua xe mô tô 65T2-0134, L còn khai mua thêm xe mô tô 94FC-2990 nhưng không có căn cứ chứng minh, xét thấy khi mua xe ông T5 không biết chiếc xe là do lấy trộm của người khác nên không đề cập xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) và bị cáo Trần Thị Mỹ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 08/01/2025.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 01/11/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ L và bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) liên đới bồi thường cho anh Trần Nhật H1 số tiền 5.450.000 đồng. Trong đó buộc bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) bồi thường cho anh H1 số tiền 2.725.000 đồng, buộc bị cáo Trần Thị Mỹ L bồi thường cho anh H1 số tiền 2.725.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ L và bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) liên đới bồi thường cho chị Huỳnh Anh T2 số tiền 6.600.000 đồng. Trong đó buộc bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) bồi thường cho chị T2 số tiền 3.300.000 đồng, buộc bị cáo Trần Thị Mỹ L bồi thường cho chị T2 số tiền 3.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ L và bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D), mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trang Thanh P (tên gọi khác: Nguyễn Văn D) và bị cáo Trần Thị Mỹ L, mỗi bị cáo phải nộp 301.250 đồng (Ba trăm lẻ một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Kiều T6